TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Bích Liên**.

Bà **Dương Thị Kim Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tưởng** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị L, sinh ngày 03/8/1992,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 11, thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện tại: Đài Loan (Trung Quốc).

Người được chị L ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992. Địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh ngày 10/7/1987,

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị* Quách Thị L *trình bày:* Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 22/8/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, càng về sau anh chị càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không chịu khó làm ăn, chơi bời, nợ nần, không quan tâm đến cuộc sống chung và có những cư xử không đúng mực với chị. Giữa năm 2017 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, năm 2020 chị đi lao động tại Đài Loan. Cuộc sống vợ chồng xa cách nên anh chị càng không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh C, sinh ngày 14/8/2017, hiện đang ở với mẹ đẻ chị là bà Vũ Thị T1. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng, con chung cho đến khi con tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho bà T1 thay chị chăm sóc cháu Trần Ngọc Khánh C cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị L đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại các bản khai anh* Trần Văn Đ *trình bày:* Anh và chị Quách Thị L có quan hệ hôn nhân như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, anh chị nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Năm 2020 chị L đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi cho đến nay anh chị không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh C, sinh ngày 14/8/2017, hiện con đang ở với bà Vũ Thị T1. Anh nhất trí giao con chung cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh nhất trí. Trong thời gian chị L không có mặt ở Việt Nam, anh nhất trí giao con cho bà Vũ Thị T1 chăm sóc cho đến khi chị L về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị T1 (mẹ đẻ chị L) trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không bảo ban được nhau. Năm 2017 chị L chuyển về gia đình bà ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2020, bà lo cho chị L đi lao động tại Đài Loan, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị L và anh Đ cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Bà nhất trí có trách nhiệm chăm sóc cháu Trần Ngọc K Chi cho đến khi chị L về nước.

Người được chị L *ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh* Nguyễn Ngọc T *trình bày:* Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị L, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị L biết, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn xin ly hôn và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị L ly hôn anh Trần Văn Đ. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc Khánh C cho chị L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Trần Ngọc K Chi cho bà Vũ Thị T1 chăm sóc cho đến khi chị L về nước. Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quách Thị L có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại đội 11, thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện chị đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn anh Trần Văn Đ có địa chỉ tại thôn T, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị L không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của chị đã được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã K chứng thực. Do

vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị L và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 22/8/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, anh chị không tìm cách khắc phục được mâu thuẫn. Năm 2017 chị L chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, năm 2020 chị L đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi và không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh C, sinh ngày 14/8/2017, hiện đang ở với bà Vũ Thị T1. Chị L và anh Đ thống nhất giao con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị L và anh Đ cùng thống nhất giao con cho bà Vũ Thị T1 chăm sóc cho đến khi chị L về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm giao con Trần Ngọc K Chi cho bà Vũ Thị T1 chăm sóc cho đến khi chị L về nước.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị L, anh Đ cùng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Quách Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị L ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Quách Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Ngọc Khánh C, sinh ngày 14/8/2017 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Trần Ngọc K Chi cho bà Vũ Thị T1 chăm sóc cho đến khi chị L về nước.

Anh Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Quách Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000413 ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay). Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Quách Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn Đ, bà Vũ Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường